HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ CẨM BÌNH

PHỤ LỤC 01: PHÂN BỔ BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của HĐND xã Cẩm Bình)

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Tên dự án	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn phân bổ bổ sung từ nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh tăng từ nguồn kết dư ngân sách năm 2025	Tổng kế hoạch vốn sau khi phân bổ bổ sung	Ghi chú
		Số ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
Tổng cộng					**134,300,000,000**	**11,428,000,000**	**56,343,517**	**134,356,343,517**	
A	**Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**				**6,715,000,000**			**6,715,000,000**	
B	**Bố trí trả nợ XDCB**		**44,033,063,000**	**29,735,387,000**	**2,634,859,000**			**2,634,859,000**	
1	Đường GTNT thôn Bình Quang - Yên Bình	Số 77/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	945,106,000	789,992,000	65,211,000			65,211,000	
2	Đường GTNĐ nội đồng thôn Đông Trung	Số 62/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	278,349,000	248,726,000	11,254,000			11,254,000	
3	Trường Mầm non Cẩm Bình; Hạng mục: Sân vui chơi thể dục	Số 32/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	362,749,000	331,381,000	16,464,000			16,464,000	
4	Đường giao thông nông thôn năm 2024	Số 127/QĐ-UBND ngày 27/8/024	2,082,268,000	1,877,077,000	123,520,000			123,520,000	
5	Hạ tầng khu dân cư Đồng Đìa Thôn Bình Minh, xã Thạch Bình	Số 522/QĐ-UBND ngày 06/04/2018	10,050,192,000	9,954,601,000	95,591,000			95,591,000	

TT	Tên dự án	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn phân bổ bổ sung từ nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh tăng từ nguồn kết dư ngân sách năm 2025	Tổng kế hoạch vốn sau khi phân bổ bổ sung	Ghi chú
		Số ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
6	Cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Thạch Bình	Số 2247/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1,392,950,000	1,380,528,000	12,422,000			12,422,000	
7	Mương thoát lũ vùng Trọt Bàu đi Cầu Côi	Số 92/QĐ-UBND ngày27/5/2024	8,249,723,000	7,521,501,000	700,000,000			700,000,000	
8	Nguồn đối ứng Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống mạng lưới công trình cấp nước Bắc Cẩm Xuyên cấp cho xã Cẩm Vịnh	Số 2476/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	10,630,479,000	0	630,000,000			630,000,000	
9	Cải tạo cảnh quan khuôn viên Hồ cá Bác Hồ xã Cẩm Thành (Hạng mục: San nền và cống thoát nước)	Số 1522/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	849,557,000	661,908,000	49,329,000			49,329,000	
10	Cải tạo cảnh quan khuôn viên Hồ cá Bác Hồ xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh (Hạng mục: Đường dạo, vỉa hè, cấp điện)	Số 270/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1,500,000,000	1,353,398,000	71,027,000			71,027,000	
11	Cải tạo cảnh quan khuôn viên Hồ cá Bác Hồ xã Cẩm Thành (Hạng mục: Kè hồ)	Số 105/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	1,143,820,000	920,846,000	52,285,000			52,285,000	
12	Kênh tưới từ kênh N32 đi An Việt xã Cẩm Thành	Số 47/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	5,047,870,000	3,645,070,000	764,896,000			764,896,000	
13	Nâng cấp nhà Văn hóa xã Cẩm Thành	Số 78/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	1,500,000,000	1,050,359,000	42,860,000			42,860,000	
C	**Bố trí công trình chuyển tiếp**		**13,000,000,000**	**7,109,206,000**	**5,000,000,000**			**5,000,000,000**	
1	Nâng cấp tuyến đường trục chính xã Cẩm Thành (đoạn từ QL1 đến UBND xã Cẩm Thành)	Số 174/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	13,000,000,000	7,109,206,000	5,000,000,000			**5,000,000,000**	

TT	Tên dự án	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn phân bổ bổ sung từ nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh tăng từ nguồn kết dư ngân sách năm 2025	Tổng kế hoạch vốn sau khi phân bổ bổ sung	Ghi chú
		Số ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
D	**Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2026**		**50,966,087,000**	**0**	**43,251,000,000**	**11,428,000,000**	**56,343,517**	**54,735,343,517**	
I	**Công trình đã được phân bổ vốn tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 03/4/2026**				**43,251,000,000**		**56,343,517**	**43,307,343,517**	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Cẩm Bình	Số 541/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	4,369,451,000		3,933,000,000		56,343,517	3,989,343,517	
2	Xây dựng đường giao thông từ đường ĐH 121 đến Ngân hàng AGRIBANK xã Cẩm Bình	Số 542/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	10,282,102,000		9,254,000,000			9,254,000,000	
3	Xây dựng đường giao thông từ đường trục xã TX05 đến khu quy hoạch chợ Mới Cẩm Thành, xã Cẩm Bình	Số 543/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	4,792,850,000		4,314,000,000			4,314,000,000	
4	Xây dựng cống Đình và đường 2 đầu cống thôn Bình Vinh, xã Cẩm Bình	Số 544/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	2,016,308,000		1,815,000,000			1,815,000,000	
5	Xây dựng công trình Cống thoát nước Biền Nương thôn Ngụ Phúc; cống thoát nước qua đường Vịnh – Thành – Quang thôn An Việt, xã Cẩm Bình	Số 545/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	1,485,464,000		1,337,000,000			1,337,000,000	
6	Xây dựng công trình Cống thoát lũ vùng Đồng Bàu, kè chống sạt lở bờ tả sông Ngàn Mọ đoạn qua xã Cẩm Bình	Số 546/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	13,097,618,000		9,168,000,000			9,168,000,000	

TT	Tên dự án	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn phân bổ bổ sung từ nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh tăng từ nguồn kết dư ngân sách năm 2025	Tổng kế hoạch vốn sau khi phân bổ bổ sung	Ghi chú
		Số ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
7	Xây dựng công trình Chỉnh trang vỉa hè đường Cẩm Thạch - Thạch Hội đoạn đi quan Chợ Đình, xã Cẩm Bình	Số 547 /QĐ- UBND ngày 23/3/2026	3,247,860,000		2,923,000,000			2,923,000,000	
8	Xây dựng đường giao thông và mương thoát nước vùng nhà văn hoá thôn Nam Bắc Thành	Số 548 /QĐ- UBND ngày 23/3/2026	3,962,342,000		3,566,000,000			3,566,000,000	
9	Xây dựng đường giao thông và mương thoát nước vùng Đông Nam Lộ (Bàu De)	Số 549/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	3,062,175,000		2,756,000,000			2,756,000,000	
10	Xây dựng đường giao thông và mương thoát nước thôn An Việt	Số 550/QĐ- UBND ngày 23/3/2026	4,649,917,000		4,185,000,000			4,185,000,000	
II	**Bổ sung danh mục đầu tư công năm 2026 và bố trí kế hoạch vốn**					**11,428,000,000**		**11,428,000,000**	
1	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Cẩm Bình, xã Cẩm Bình	Số 1050/QĐ-UBND ngày 19/6/2026	6,139,017,000			3,070,000,000		3,070,000,000	
2	Kè chống sụt lở sông Ngàn Mọ (đoạn qua thôn Đông Mỹ), xã Cẩm Bình	Số 1051/QĐ-UBND ngày 19/6/2026	3,860,000,000			1,351,000,000		1,351,000,000	
3	Xây dựng đường giao thông và mương thoát nước vùng quy hoạch đất ở dân cư thôn Kênh, xã Cẩm Bình	Số 1052/QĐ-UBND ngày 19/6/2026	8,500,000,000			5,100,000,000		5,100,000,000	
4	Cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non Cẩm Thành, xã Cẩm Bình	Số 1048/QĐ-UBND ngày 19/6/2026	1,950,000,000			975,000,000		975,000,000	

TT	Tên dự án	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn phân bổ bổ sung từ nguồn tiền sử dụng đất	Điều chỉnh tăng từ nguồn kết dư ngân sách năm 2025	Tổng kế hoạch vốn sau khi phân bổ bổ sung	Ghi chú
		Số ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
5	Khảo sát địa hình, lập quy hoạch tổng mặt bằng các khu đất ở dân cư Cẩm Bình (đợt 1) (tỷ lệ 1/500)	Số 1019/QĐ-UBND ngày 11/6/2026	562,934,000			507,000,000		507,000,000	
6	Khảo sát địa hình, lập quy hoạch tổng mặt bằng các khu đất ở dân cư Cẩm Bình (đợt 2) (tỷ lệ 1/500)	Số 1034/QĐ-UBND ngày 15/6/2026	472,235,000			425,000,000		425,000,000	
E	**Bố trí vốn cho các dự án dự kiến khởi công mới năm 2026, giao UBND xã lập phương án phân bổ chi tiết cho các dự án sau khi đủ điều kiện, trình HĐND xã kịp thời, đúng quy định**				**76,699,141,000**			**65,271,141,000**	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

1000

1234

1900

1910

1911

1913

1914

1915

1916

1917

1918

1919

1920

1921

1922

1923

1924

1925

1926

1927

1928

1929

1930

1931

1932

1933

1934

1935

1936

1937

1938

1939

1940

1941

1942

1943

1944

1945

1946

1947

1948

1949

1950

1951

1952

1953

1954

1955

1956

1957

1958

1959

1960

1961

1962

1963

1964

1965

1966

1967

1968

1969

1970

1971

1972

1973

1974

1975

1976

1977

1978

1979

1980

1981

1982

1983

1984

1985

1986

1987

1988

1989

1990

1991

1992

1993

1994

1995

1996

1997

1998

1999

2000

2001

2002

2003

2004

2005

2006

2007

2008

2009

2010

2011

2012

2013

2014

2015

2016

2017

2018

2019

2020

2021

2022

2023

2024

2025

2026

2027

2028

2029

2030

2031

2034

2035

2040

2050

2500

3000

4000

5000

1.996E+09

572091002

759986003

4.453E+09

2.039E+10

2.823E+09

1.857E+10

1.315E+10

1.709E+09

3.138E+09

2.274E+09

1.175E+10

2.722E+09
4.011E+10

4.011E+10

1.645E+11

8.661E+10

2.109E+10

4.935E+10

2.301E+10

9.863E+09

7.345E+09

5.763E+10

1.604E+10

1.902E+10

1.47E+10

2.232E+10

########

2.456E+10

6.562E+09

1.87E+10

3.9E+09

1.577E+09

1.322E+09

#REF!